

## Rasa Hào hùng - cốt lõi trong bài viết kêu gọi đấu tranh vì độc lập của Mahatma Gandhi

Nguyễn Phương Liên\*

Trưởng Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội

Ngày nhận bài: 03/07/2019, ngày gửi phản biện: 22/04/2020, ngày duyệt đăng: 02/06/2020

**M**ahatma Gandhi đã trở thành vị Thánh về chính trị trong lòng người Ấn Độ và là một trong những gương mặt quyết định sự thay đổi của thế kỷ XX. Những bài diễn thuyết của ông đã đạt hiệu quả tối đa trong việc dẫn dắt cả một dân tộc lớn, phức tạp về tư tưởng và tôn giáo đi cùng một con đường đấu tranh. Một trong những nguyên nhân của thành công đó là do ông đã dựa vào truyền thống nghệ thuật hàng ngàn năm tuổi của đất nước mình. Ở đó, cảm xúc của con người sau khi tiếp nhận một diễn ngôn đã nhiều thế kỷ được đưa lên hàng tối thượng. Và Rasa - cảm thức - cũng đã được chuẩn bị chu toàn để giúp cho các tác giả vận dụng được tối đa nội hàm của khái niệm này. Sức mạnh thuyết phục, cảm hóa của "The Quit India (Ấn Độ vùng thoát)", bởi thế, hoàn toàn có thể lý giải và đo lường được khi áp dụng nội hàm của Rasa Hào hùng để khảo sát diễn ngôn theo phương pháp của thi pháp học và xã hội học.

Từ khóa: Rasa, đấu tranh, Mahatma Gandhi

### Mở đầu

Vào những năm Anh quốc đặt ách thống trị thực dân lên tiểu lục địa Ấn Độ, chưa bao giờ nền văn minh vĩ đại hàng nghìn năm tuổi bị lãng nhục bởi những kẻ ngoại bang kiêu ngạo nhiều đến thế. Và nỗ lực giành lại nền độc lập thành công đã bắt đầu từ việc tìm kiếm những sức mạnh nội sinh đang bị vùi dập là lựa chọn của Mahatma Gandhi.

### 1. Lựa chọn con đường cứu nước - tiến trình bộc lộ bằng diễn thuyết công khai

*The Quit India (Ấn Độ vùng thoát)* được coi là một trong những bài phát biểu nổi tiếng nhất của Mahatma Gandhi, xoay quanh một phương châm sau này đã thành khẩu hiệu: "Do or Die" (Hành động hay là chết). Những lời hùng hồn vang lên ngày 8/8/1942 ở công viên Gowalia Tank Maidan - Bombay (Mumbai

\*nguyenphuonglienvhad@gmail.com

ngày nay) chính là minh chứng cho thấy tư tưởng truyền thống vẫn đạt tới tầm vóc của một phương pháp phù hợp: sử dụng cảm xúc (Rasa) của đám đông để văn học đánh thức những khát vọng, để trở thành vũ khí cách mạng khơi mào cả phong trào Ahimsa (Bất bạo động) đã thành công sau thời điểm đó chỉ 5 năm.

Vào thời điểm chuyển trò với công chúng bằng tư tưởng đã kiên định đến mức trở thành nhân sinh quan cốt lõi khi giải quyết vấn đề dân tộc ở đất mẹ Ấn Độ vĩ đại, Mahatma Gandhi đã có ba bài phát biểu gây chú ý trong công luận. Nếu như bài nói ở trường Đại học Hindu Benaras vào ngày 4/2/1916 là một sự hiệu triệu dành cho những trí thức trẻ, thì sự nổi dãi của chủ trương Bất bạo động với tất cả sự lý giải hợp lý nhất, thuyết phục nhất lại xuất hiện như nguồn tư duy chủ đạo trong bài diễn thuyết *Dandi Thang 3* (11/3/1930) / *Dandi March Speech* và *Hội nghị bàn tròn* (30/10/1931) / *Round Table Conference Speech*. Không thể bỏ qua một thực tế là, ở hai bài diễn thuyết sau, tình hình thế giới đã có nhiều bước chuyển quan trọng khi xuất hiện nhiều con đường khác nhau để giải phóng dân tộc đối với những vùng đất đang chịu ách thống trị của chủ nghĩa thực dân (chẳng hạn, đây là giai đoạn hình thành Đảng Cộng sản Đông Dương như một phần hiệu độc lập đối với Quốc tế Cộng sản III, đồng thời cũng là lúc Đảng Cộng sản Trung Quốc đang có những bước đầu tiên trong quá trình hoạt động). Những cuộc gặp gỡ, những tranh luận của Mahatma Gandhi với Rabindranath Tagore (Molnit Kumar Ray, 2004, p.150), xét cho đến cùng, đều thể hiện những trăn trở ấy. Cần lưu ý rằng, cho dù nề phục lẫn nhau, sự bất đồng trong đường hướng truy cầu độc lập dân tộc giữa hai vĩ nhân là không thể phủ nhận. Nhất là khi trong một số truyện ngắn được Tagore sáng tác vào thời điểm sau này, ta dễ dàng nhận thấy sự không tích cực, không hoàn thiện của hình tượng đảng viên Đảng Quốc đại trong số các mẫu hình trí thức hiện đại của ông. Tuy nhiên, bằng chủ kiến của mình, Mahatma Gandhi vẫn vững vàng đi theo con đường tư tưởng đã chọn. Không chỉ bằng những diễn ngôn mang tính xã hội trước quảng đại quần chúng, rất nhiều ghi chép, thư từ trao đổi riêng của lãnh tụ vĩ đại này đã cho thấy quá trình xác tín của ông là một quá trình biện chứng. Sự biến đổi và quyết định tư tưởng mà ông dành trọn cuộc đời để theo đuổi là một tiến trình cũng có sự vững vàng từ nhiều nguồn gốc tư tưởng khác nhau, cả từ truyền thống của nền văn minh đồ sộ Ấn Độ lẫn từ những biến đổi rộng mở của thế giới lúc bấy giờ. Và thời điểm công bố sự vững vàng trong tư tưởng được lựa chọn là khi *An Độ vùng thoi* đã gây tiếng vang lớn lao, khơi đầu cho cao trào giải phóng dân tộc của Mahatma Gandhi và Đảng Quốc đại cũng như những tổ chức cách mạng tiến bộ khác.

## 2. Vận dụng dân tộc tinh để đạt mục đích của diễn ngôn

Có lẽ đặc điểm chung của những chính trị gia vĩ đại thời bấy giờ nói riêng và trong lịch sử nhân loại nói chung là biết cách vận dụng dân tộc tinh để tạo nên thành công trong diễn thuyết. Giống như Fidel Castro lấy hồn cốt là tinh thần nhiệt huyết của người Cuba trong tiết tấu sôi động đã quen thuộc nơi những tác phẩm văn hóa dân gian, như Hồ Chí Minh lấy chiều sâu là chất liệu bác học của văn biển ngẫu vốn quen thuộc với trí thức Việt Nam, Mahatma Gandhi đã dựa vào truyền thống coi trọng cảm thức, Rasa, đã có nghìn năm tuổi của văn hóa Ấn Độ mà đạt tới mục đích của một diễn ngôn chính trị. Đứng trước một cộng đồng hiểu rất rõ nỗi nhọc của cánh nô lệ, song vẫn còn đang loay hoay trong những ảm ức và mối hoài nghi lẫn nhau do khác biệt về tôn giáo đã từ hàng nghìn năm nay, Mahatma biết cần phải chọn điều gì để nói, chọn cách nào để phát đi thông điệp trực tiếp ảnh hưởng đến họ, làm cho họ biến đổi tư tưởng và cùng đồng nhất trong mục đích giải phóng dân tộc khỏi chủ nghĩa bá quyền.

Với người Ấn Độ, Rasa là khái niệm đã thành một yếu tố tinh hoa của truyền thống ngàn đời. Khái niệm quan trọng nhất, được bàn luận nhiều nhất trong thi pháp cổ điển Ấn Độ chính là Rasa, với nghĩa ban đầu là "vị", một kiểu vị của thứ rượu thiêng Soma khiến người ta say sưa, ngây ngất, có thể ném vì "gần như vị giải thoát". Trong các kinh *Upanishad* cũng xuất hiện thuật ngữ này với nghĩa khá hạn chế là "tinh chất" hay "sự tinh túy" (Radhakrishna S., 1963, p.215). Trong *Rig Veda*, Rasa xuất hiện nhiều lần với các nghĩa khác nhau, lúc thì từ này được xem là "nước", "vị trái cây", "rượu", "đồ uống"; khi thì được hiểu với nghĩa "nhựa cây, nhựa sống" (Griffith Ralph T.H. 1920, p.29). Có lúc "Rasa" được nhắc đến với một cụm từ mang nghĩa tương đương là "Rasatala", trong đó "Rasa" là dòng sông còn "tala" là đáy (Griffith Ralph T.H. 1920, tr.603). Trong *Yajur Veda*, Rasa mang ý nghĩa là "niềm vui" (Griffith Ralph T.H. 1920, p.503); trong *Sama Veda*, Rasa là "rượu" (Griffith Ralph T.H. 1920, p.508); còn trong *Athavar Veda* thì khái niệm này lại được hiểu theo ba nghĩa: "nước ép trái cây", "nhựa thảo dược" hay "nhựa của ngũ cốc" (Winey William Wright, 1905, p.179). Rasa cũng xuất hiện trong *Ramayana* với các nghĩa "hồn hớp", "thuốc tiên", "bùa mê" (Winey William Wright, 1905, p.141) còn trong *Mahabharata*, Rasa lại mang các nghĩa "rượu", "đồ uống", "sữa và bơ tan" (Winey William Wright, 1905, p.66)... Dễ dàng thấy là ngay từ những nghĩa ban đầu, chất lỏng được coi là một nghĩa sơ khai nhất của Rasa, với hàm ý nhấn mạnh tinh linh hoạt, dễ biến đổi của khái niệm.

Đến khi viết *Natyasastra*, Bharata đưa ra khái niệm Rasa với nghĩa là "cảm thức". Ông đưa ra 8 bhava (thường tình): Rati (yêu đương), Hasa (hài hước), Soka (đau buồn), Krodha (tức giận), Utsaha (hùng mạnh), Bhaya (sợ hãi), Jugupsa (kinh tởm), Vismaya (ngạc nhiên, cảm phục), lần lượt tương ứng với 8 Rasa (cảm thức): Songara (ái tình), Hasya (hài hước, vui nhộn), Karuna (cảm thương), Raudra (giận dữ), Vira (hào hùng, hùng tráng), Bhayanaka (sợ hãi), Biphatsa (kinh tởm), Adbhuta (thán phục, tuyệt diệu, siêu phàm). Sau này, trong tác phẩm *Hridayadarpana*, Nayaka lại bình luận về khái niệm Rasa trên một quan điểm mới. Theo ông, "trong kịch nói riêng và trong văn chương nói chung, những cảm xúc mà những con người cá nhân thể nghiệm trong đời sống đã được thể hiện ở mức độ cao nhất, trở nên có nghĩa khái quát, đem lại khoái cảm thẩm mỹ và cuối cùng đạt giá trị giác ngộ, khiến chúng ta thức tỉnh, ngừng định những cảm xúc, xúc động trần thế mang tính ảo ảnh, dối lừa" (Phan Thu Hiền, 2006, tr.82). Quan điểm này của Nayaka được Dhananjaya kể thêm trong cuốn *Dasarupaka*. Tác phẩm này đã mô tả Rasa trong một bảng biến thiên gồm bốn khu vực cảm xúc tương ứng với môi trường thù địch hoặc thuận lợi nhất định. Rasa được phân loại thành bốn cảm xúc là Yêu thương, Hào hùng, Ghê sợ, Tức giận. Ngoài ra, kể tiếp bốn cảm xúc này là bốn cảm xúc ở dạng thứ sinh: Hài hước, Thán phục, Sợ hãi và Thương cảm.

Abhinavagupta, một triết gia đồng thời là một nhà thi pháp học nổi tiếng của Ấn Độ, thì cho rằng: mọi khơi gợi đều là khơi gợi xúc cảm, cho dù khơi gợi chủ đề hay khơi gợi hình tượng thì cuối cùng cũng đều trở thành khơi gợi Rasa. Còn Rupagosvamin, trong cuốn *Ujjvalanilamani*, lại coi Sùng tín (Bhakti) là Rasa chủ yếu với những hình thức đa dạng của tình yêu linh thánh: Sùng tín Đẳng tột cao là tình yêu giải thoát cái thế giới chân thực khỏi những ràng buộc trần tục và cũng chính là sự cứu rỗi. Jaganatha, trong cuốn *Rasagamudhura*, lại cung cấp cho Rasa một nghĩa mới. Ông cho thơ ca là "sự thể hiện qua hình thức âm thanh một tư tưởng thơ mộng nào đó của sự cảm nghiệm; sự trầm tư suy ngẫm đối với tư tưởng thơ ca đó như một hình thức thiền định, tạo ra niềm lạc thú tinh cảm siêu tuyệt... mang tính phi ngã, thuần khiết, trong trẻo" (G.N. Devy, 1992, p.65).

Khi nghiên cứu văn học Ấn Độ theo phương pháp hiện đại, những nhà ngôn ngữ học cũng quan tâm đến khái niệm Rasa ở chiều hướng đề cao người tiếp nhận tác phẩm văn học. Theo cuốn *Panini's grammar*, Rasa được hợp nhất từ hai yếu tố. "Ra" nghĩa là "to give" (đưa đến, đưa ra) còn "sa" là "motion" (sự chuyển động, chuyển dịch). Ở đây rõ ràng là nói đến sự thay đổi về tâm hồn của người đọc, người xem. Bên cạnh nghĩa chính thì "rasa" còn có một loạt nghĩa khác. Với vai trò động từ, Rasa mang ý nghĩa: chạy, làm ướt mọi vật, dầm chất lỏng, thương thức hoặc ném giá trị; với vai trò của danh từ, Rasa có các nghĩa: nước, chất lỏng ma thuật, vị ngon, chất lỏng, nước cốt, đồ giá trị, khoai lạc, sự vui sướng, niềm hạnh phúc, sự hấp dẫn, thú vị, tinh tao nhã, vẻ đẹp. Còn theo từ điển của Monier Williams thì Rasa lại có các nghĩa: gặm rỗng, kêu la, khóc lóc, phát ra tiếng, đối lại, thét... thuộc về động từ; còn các nghĩa: vị cây trái, vị quả, chất lỏng hay dung dịch, phần tốt nhất hay hoàn hảo nhất của mọi thứ... thuộc về danh từ (Apte. V. S, 1973, p.465). Có thể thấy là các nhà ngôn ngữ học hiện đại đã sử dụng cách thức của văn học Ấn Độ cổ đại để tạo nên một nội hàm rộng hơn cho khái niệm Rasa và đồng thời nhấn mạnh vai trò của người tiếp nhận ngay trong cách thức lựa chọn các lớp nghĩa của khái niệm. Cụ thể là khi đưa ra các nghĩa thuộc về động từ của Rasa, Monier Williams đã tạo thành một chuỗi phản ứng mạnh mẽ của người tiếp nhận. Khi so sánh thì pháp học phương Tây với thi pháp học Ấn Độ, K. Viswanathan cũng đã đưa ra các cặp phạm trù tương đồng và nhấn mạnh sự tương ứng giữa Katharsis và Rasa chính là đặc điểm chung: Emotional effect (hiệu quả xúc cảm).

Những thông kê trên cho thấy, hiệu quả xúc cảm, và kéo theo đó là hiệu quả của thay đổi nhận thức, là điều người Ấn Độ vẫn đặt ra như mối quan tâm hàng đầu đối với một diễn ngôn, cụ thể hơn là một tác phẩm có tính văn chương. Và ở đây, với tư cách là một tác phẩm mang tính chính luận, một công cụ đấu tranh ôn hòa phù hợp với chân lý đã được lựa chọn, Abimisa, thì đạt tới những hiệu quả ngôn từ trên gần như là yếu tố bắt buộc mà người viết/nói đã đặt ra cho mình. Từ đó, những đòi hỏi về phương diện nghệ thuật tu sức của ngôn từ sẽ là yêu cầu tất yếu đi cùng.

### 3. Sức mạnh của ngôn từ chứa đựng Rasa mãnh liệt

Dẫu không hoạt động với tư cách một nhà nghiên cứu, phê bình nghệ thuật, yếu tố căn bản của quan niệm Rasa cũng không có gì xa lạ đối với Mahatma Gandhi. Có lẽ vì thế mà để mở đầu cho bài viết, ông trực tiếp tác động đến sự chú ý của người đọc bằng cách mong muốn người nghe có cùng điểm nhìn với mình: "Trước khi thảo luận về nghị quyết, hãy để tôi đặt trước các bạn một hay hai (điều) về cái mà tôi muốn các bạn hiểu rõ ràng và cần nhắc chúng từ điểm nhìn giống như tôi đã đặt mình vào vị trí các bạn. Tôi xin phép các bạn cần nhắc nó từ điểm nhìn của tôi, bởi vì nếu các bạn đạt tới điều đó, các bạn sẽ buộc phải tiến hành tất cả những gì tôi nói. Nó sẽ là một nhiệm vụ vĩ đại" (Before you discuss the resolution, let me place before you one or two about things. I want you to understand two things very clearly and to consider them from the same point of view from which I am placing them before you. I ask you to consider it from my point of view, because if you approve of it, you will be enjoined to carry out all I say. It will be a great responsibility) (M. Gandhi, 1942). Cách mở đầu này của Mahatma Gandhi đã tận dụng một loạt điệp từ "place", "consider", "point of view"... xuất hiện tối thiểu hai lần trong những câu văn dài liên kết chặt chẽ, sự tôn trọng và đề cao tính chủ động của người nghe trong khi khẳng định độ quan trọng trong nhiệm vụ của họ là cái mà người viết/nói muốn đạt tới.

Ở những phần tiếp theo của bài diễn thuyết, quy luật dùng điệp từ để kết nối trở nên nhịp nhàng hơn khi đi kèm với những câu văn có cấu trúc ngữ pháp dựa trên tính chủ quan để đánh thức Rasa là một loạt những tên riêng và thời gian cụ thể. Năm 1920 được nhắc đến trong cấu trúc "I was in 1920" (Tôi trong năm 1920) như một sự nhấn mạnh về thời điểm quan trọng trong quá khứ, đồng thời với việc dùng cụm từ Ahimsa nhiều lần trong bài viết cùng với ngôi nhân xưng God (Chúa trời/Thánh) thực sự tạo nên đặc trưng riêng của Ấn Độ, một quốc gia mà tôn giáo đã bao trùm lên văn hóa. Nhắc đến Nga và Trung Quốc trong khi nhấn mạnh phương châm hành động ôn hòa của Đảng Quốc đại, Mahatma Gandhi chắc chắn đã khiến người nghe có những liên tưởng cụ thể về tình hình thực tại của thế giới để Rasa Hào hùng vẫn có cơ hội trở dậy.

Nhắc đến thời gian bị cầm tù của bản thân, Mahatma Gandhi đề cập đến Cách mạng Pháp và Cách mạng Nga để tạo nên một tương quan so sánh cho những đồng bào của ông. Một ngữ điệu tự hào không giấu nổi đã vang lên khi ông khẳng định: "Tôi tin rằng trong lịch sử thế giới, không có một cuộc đấu tranh nào chủ yếu vì tự do nào có tính chân thực hơn cuộc đấu tranh của chúng ta" (I believe that in the history of the world, there has not been a more genuinely democratic struggle for freedom than ours) (M. Gandhi, 1942). Lời lẽ tràn đầy nhiệt huyết và niềm tin của Mahatma Gandhi bộc lộ trong nội dung của một câu giãi đặng: "Mỗi người sẽ là ông chủ/người thầy của chính mình" (Everybody will be his own master) (M. Gandhi, 1942). Dân chủ, qua từ "democratic" được ông lặp đi lặp lại cùng lời kêu gọi "tôi mời các bạn tham gia hôm nay" đã càng làm cho sự tha thiết trở thành đường dẫn đến Rasa Hào hùng trong lòng thính/khán giả.

Chắc chắn không phải ngẫu nhiên mà một loạt những cụm từ mở đầu cho các câu văn của bài diễn thuyết là những trạng ngữ về bản thân người nói: *Speaking for myself, as I view the situation. I know, I feel my self...* Hình như khi nhắc đến nước Anh trong bài nói cũng là lúc ông dùng những cấu trúc đơn giản của thứ ngôn ngữ từ xa lạ đã thành một yếu tố để thống nhất Ấn Độ này cho một mục đích khác hẳn. Kết nối thành công xúc cảm không chỉ bằng một cấu trúc logic, ông còn tác động đến người nghe bằng những xúc cảm riêng tư của chính mình. Lòng tin của quần chúng dành cho ông lúc này đã cho ông đặc quyền ấy, đặc quyền của một người lãnh đạo được tin cậy, được toàn dân tộc giao phó quyền chọn hướng đi, nói cách khác là chọn đạo lý cho chế độ mới. Như bất kỳ một chính trị gia tinh táo nào khác ở những quốc gia mất tên trên bản đồ vì vị trí, vai trò của vùng đất thuộc địa, Mahatma Gandhi khẳng định cuộc đấu tranh của nhân dân Ấn Độ lúc này không chống lại người Anh cũng như văn hóa Anh mà là "chúng ta đấu với chủ nghĩa đế quốc của họ". Cũng giống như sự sáng suốt và thức thời khi kêu gọi đoàn kết giữa hai tôn giáo lớn ở Ấn Độ, khi "quên đi những khác biệt" (forget the otherness) giữa đạo Hồi và đạo Hindu mà "nghĩ về bản thân chỉ như một người Ấn Độ" (think of yourselves as Indians only), Mahatma Gandhi không chỉ vận dụng cách nói mà còn cho thấy vẻ đẹp Hào hùng của những ý tưởng vĩ đại, vượt khỏi những ranh giới cứng nhắc thông thường. Khi ông liên tục nhấn mạnh bằng sự say sưa của ngữ điệu: "Once you realize this you will forget the differences between the Hindus and Muslims, and think of yourselves as Indians only, engaged in the common struggle for independence" (M. Gandhi, 1942), trong sự liên kết nhịp nhàng của những từ tạo nên nhạc tính, ý tưởng sẽ chuyển chờ xúc cảm trong cách đánh giá mang tính ẩn dụ "đỉnh ước/cam kết với cuộc đấu tranh chung để giành độc lập". Sự sáng suốt khi ông tự đánh giá Ahimsa - khái niệm ông đã theo đuổi suốt cuộc đời chính trị của mình là "tôi biết Ahimsa của chúng ta không hoàn hảo ra sao và chúng ta vẫn còn xa ý tưởng đó đến mức nào, nhưng với Ahimsa, không có thất bại cuối cùng hay thua trận." Những trí thức lớn của Ấn Độ đều đã nhìn vào lịch sử của cha ông họ mà nhận ra rõ ràng hậu quả của những cuộc chiến tranh và cả những cuộc đấu

tranh. Hăng hăng cuộc nội chiến kéo dài giữa những nhóm người trong lịch sử là số lượng lớn hơn rất nhiều so với số lần mà những tộc người hùng mạnh nơi đây phải đối mặt với ngoại bang. Phải chăng vì thế, một lựa chọn không tốn máu xương để giành lại độc lập là động cơ sâu xa để ông nỗ lực hàn gắn đến tận cùng những điều tương như bất khí? Chừng mực trong cách đánh giá, nhìn nhận chính mình lại càng khiến cho xúc cảm của những người đang lắng nghe thán hoa mà chạm ngưỡng của Rasa Hào hùng, của lòng tin khi lựa chọn con đường lý tưởng. Và bằng sự nhạy cảm của một con người uyên bác, xen khắp trong bài nói là những câu trúc ẩn dụ đầy gợi mở, cho người nghe những cơ hội để liên tưởng xa hơn nữa về tương lai của chính mình, của dân tộc mình thông qua những lựa chọn và cách hành động của ngày hôm nay.

“Người ta có thể cười, tuy thế, đó là tuyên bố của tôi” (People may laugh, nevertheless that is my claim) (M. Gandhi, 1942) là cách ông kết thúc bài diễn thuyết theo cách thật tự tin. Không quá dài nhưng tràn đầy xúc cảm, ngôn từ giản dị, dễ hiểu mà vẫn không thiếu vắng những dụng công của nghệ thuật ngôn từ, bài diễn thuyết hoàn thành tròn vai trò theo cách thật ấn tượng. Và công viên Gowalia Tank Maidan giờ đây đã được đổi tên để mang tên bài diễn thuyết này (August Kranti Maidan/August Revolution Ground), đó chính là minh chứng hùng hồn cho sức sống của bài diễn thuyết trong lòng người dân Ấn Độ sau hơn nửa thế kỷ trôi qua.

## Kết luận

Sự vĩ đại của một con người lựa chọn chính trị làm sự nghiệp của cuộc đời mình trong những năm tháng gian nguy nhất của lịch sử một quốc gia như Mahatma Gandhi, mà ở trường hợp này còn là một nền văn minh lâu đời bậc nhất của lịch sử nhân loại, thực tế, không phải là một ngẫu nhiên tinh cờ của dòng lịch sử. Trải lại, hun đúc nên những tài năng kiệt xuất đến thế, cách quyết định và lựa chọn nhận lấy gì từ kho tàng tinh hoa dân tộc chắc chắn là một điểm quyết định. Biết vận dụng đúng cách, đúng lúc sức mạnh của nghệ thuật ngôn từ để đạt tới những mục đích lớn lao cho cả cộng đồng không chỉ là câu chuyện của những cuộc cách mạng trong quá khứ, mà còn là bài học để con người trong kỷ nguyên mới của công nghệ hiểu rõ hơn sức mạnh cân bằng của tư duy hệ thống, của sự kết hợp giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội thông qua một tác phẩm chính luận thành công.

## Tài liệu tham khảo

1. Apte, V S (1973). *Sanskrit - English dictionary, Panini's grammar*, Motilal Banarsidass, New Delhi.
2. G. N. Devy (1992). *After Amnesia - Tradition and Change in Indian Literary Criticism*. Orient (Longman) Blackswan, London.
3. M. Gandhi (1942). *The Quit India (Ấn Độ vâng theo)*, [https://en.wikipedia.org/wiki/Quit\\_India\\_speech](https://en.wikipedia.org/wiki/Quit_India_speech), ngày truy cập 6/7/2019.
4. Phan Thu Hiền (2006). *Thi pháp học cổ điển Ấn Độ*. Nxb. Khoa học xã hội. Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Radhakrishna S. (1963). *The Principal Upanisad*, Brhadaranyaka, London.
6. Griffith Ralph T.H (1920). *The Hymns of Rig Veda*, Benecras Pulishers, New Delhi.
7. Mohit Kumar Ray (2004). *Studies on Rabindranath Tagore*. Nice Printing Press, New Delhi
8. Winery William Wright (1905). *Athrya Veda*. Harvard Oriental Series. Harvard University.